

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *12* /2015/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 20 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức chi phí đào tạo nghề và mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại
cho người khuyết tật học nghề theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg
ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020; Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 48/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 26/4/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020; Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/7/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề lao động nông thôn đến năm 2020” ban hành theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 43/TTr-SLĐTBXH ngày 25/4/2015 về việc quy định mức chi phí đào tạo nghề và mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho người khuyết tật học nghề theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi phí đào tạo nghề và mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho người khuyết tật học nghề theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Mức chi phí đào tạo nghề:

TT	Tên nghề đào tạo	Thời gian đào tạo/khóa học (tháng)	Mức chi phí/người/khóa học (nghìn đồng)
I	NHÓM NGHỀ PHI NÔNG NGHIỆP		
1	May công nghiệp	04	5.000
2	May giày da	04	5.000
3	Mộc mỹ nghệ	04	5.000
4	Điện dân dụng	04	5.000
5	Kỹ thuật chế biến món ăn	04	5.000
6	Điện tử dân dụng	04	5.000
7	Điện tử công nghiệp	04	5.000
8	Kỹ thuật điêu khắc gỗ	04	5.000
9	Mây tre đan, cói, bẹ chuối, bèo tây	03	4.000
10	Thêu ren	03	4.000
11	Móc sợi	03	4.000
II	NHÓM NGHỀ NÔNG NGHIỆP		
1	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	04	5.000
2	Trồng nấm	04	5.000
3	Chăm sóc cắt tỉa, uốn cây cảnh	04	5.000
4	Trồng hoa	03	4.000

2. Mức hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại cho người khuyết tật trong thời gian học nghề:

Người khuyết tật học nghề là lao động nông thôn, lao động thành thị thuộc hộ nghèo được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại trong thời gian học nghề, cụ thể như sau:

- Tiền ăn: 15.000 đồng/ngày thực học/người.

- Tiền đi lại: Theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học, đối với người khuyết tật học nghề xa nơi cư trú từ 15km trở lên.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí dạy nghề cho người khuyết tật thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về Việc làm và Dạy nghề do ngân sách Nhà nước giao dự toán kinh phí hàng năm.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp, Bộ LĐTBXH;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh; Đoàn ĐBQH;
- Như điều 2
- Website tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VP1, VP6, VP7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Bùi Đức Long

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Quyết định v/v Quy định mức chi phí đào tạo nghề và mức hỗ trợ chi phí học nghề cho người khuyết tật theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004, Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định v/v Quy định mức chi phí đào tạo nghề và mức hỗ trợ chi phí học nghề cho người khuyết tật theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Sự cần thiết ban hành văn bản.

Trên cơ sở các văn bản mà dự thảo Quyết định sử dụng làm căn cứ pháp lý thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định v/v Quy định mức chi phí đào tạo nghề và mức hỗ trợ chi phí học nghề cho người khuyết tật theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ là cần thiết.

2. Về đối tượng, phạm vi điều chỉnh.

Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành quy định về đề án trợ giúp người khuyết tật mà dự thảo Quyết định sử dụng làm căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định thì phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh như dự thảo Quyết định là đúng quy định pháp luật.

3. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, dự thảo Quyết định v/v Quy định mức chi phí đào tạo nghề và mức hỗ trợ chi phí học nghề cho người khuyết tật theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản.

Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản đảm bảo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Thông tư liên tịch số 55/TTLT-BNV-VPCP của liên bộ Bộ Nội vụ, Văn phòng chính phủ quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Nơi nhận:

- Sở Lao động-TB&XH;
- Lưu VT, XDKTVB.

